ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

****

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NGÀNH, NGHỀ....................................**

 *(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐNCN,*

*ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội)*

**Hà Nội – 20**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐNCN, ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội)*

**Tên ngành, nghề:**

**Mã ngành, nghề:**

**Trình độ đào tạo:** Liên thông trình độ Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** Đào tạo chính quy (hoặc đào tạo thường xuyên)

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai.

**Thời gian đào tạo:** Từ 01 đến 1,5 năm.

**1. Mục tiêu đào tạo**

1.1. Mục tiêu chung

-

-

-

1.2. Mục tiêu cụ thể

-

-

-

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

-

-

-

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng môn học, mô đun: ......................

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học:.............. Tín chỉ

- Khối lượng các môn chung/đại cương: 180 giờ

- Khối lượng các mô học, mô đun chuyên môn:........ giờ, trong đó:

+ Khối lượng các môn học, mô đun cơ sở:.......giờ.

+ Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn:........giờ.

- Khối lượng lý thuyết:......... giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm:......... giờ.

**3. Nội dung chương trình**

| **Mã****MH/MĐ** | **Tên môn học/mô đun** | **Số****tín****chỉ** | **Thời gian học tập (giờ)** | **Số đầu điểm thi/****kiểm** **tra** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Trong đó** |
| **Lý****thuyết** | **Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận** | **Thi/****kiểm****tra** |
| **I** | **Các môn học chung** | **12** | **180** | **157** | **255** | **10** |  |
| MH01 | Giáo dục chính trị | 3 | 45 | 26 | 16 | 3 |  |
| MH02 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |  |
| MH03 | Giáo dục thể chất | 2 | 30 | 1 | 27 | 2 |  |
| MH04 | Giáo dục quốc phòngvà an ninh | 2 | 30 | 15 | 14 | 1 |  |
| MH05 | Tin học | 2 | 30 | 0 | 29 | 1 |  |
| MH06 | Tiếng Anh | 2 | 30 | 12 | 16 | 2 |  |
| **II** | **Các môn học, mô đun chuyên môn** |  |
| **II.1** | **Môn học, mô đun cơ sở** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | …………… |  |  |  |  |  |  |
| … | …………… |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.2** | **Môn học, mô đun chuyên môn** |  |  |  |  |  |  |
| MĐ | Thực tập tốt nghiệp | 9 | 400 | 30 | 360 | 10 |  |
| … | ……………… |  |  |  |  |  |  |
| … | ……………… |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **35** | **1000** |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Thời gian học lý thuyết và thời gian thực hành, thực tập, thí nghiệm phải đảm bảo tỷ lệ sau:

 + Lý thuyết chiếm 30%.

 + Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 70%.

- Quy định về thời lượng:

 + 01 tín chỉ = (15 giờ học lý thuyết đối với môn học + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn) hoặc (30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận đối với mô-đun + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn) hoặc (45 giờ đối với trải nghiệm và thực tập doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp, thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp).

 + Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

 + Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

 + Một tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

 - Đối với sinh viên liên thông tốt nghiệp trình độ trung cấp ở các trường khác: Căn cứ vào kết quả học tập chương trình trung cấp, nhà trường sẽ thông báo các môn học, mô-đun học cần phải bổ sung.

**4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

 4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

 4.2. Việc lựa chọn hình thức đào tạo chính quy hoặc đào tạo thường xuyên và phương thức đào tạo được thực hiện theo quy định.

 4.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, trải nghiệm, tham gia sản xuất trực tiếp tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Ðể giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Thời gian** |
| 1 | Thể dục, thể thao | Từ 05 giờ đến 06 giờ và từ 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày, từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần). |
| 3 | Hoạt động thư viện;Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt định kỳ theo kế hoạch hoặc chuyên đề. |
| 5 | Đi thực tế | Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun. |

 4.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thì kết thúc môn học, mô đun:

Việc tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô-đun có hướng dẫn cụ thể tại Quyết định số 421/QĐ-CĐNCN, ngày 16/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; trình độ liên thông theo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp.

4.4.1. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học;

d) Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho mỗi môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học, mô- đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.4.2. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun

 a) Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại trường, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi;

 b) Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

 c) Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

 d) Danh sách người học đủ hoặc không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do; danh sách địa điểm thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 03 ngày làm việc;

 đ) Người học tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi;

e) Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

g) Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định;

h) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 50 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác;

 i) Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin.

4.4.3. Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức kiểm tra, kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun.

4.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Kế hoạch thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được xây dựng và công bố công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 04 tuần.

- Nội dung, thời gian và hình thức tổ chức thi tốt nghiệp:

+ Nội dung thi tốt nghiệp gồm: Môn thi Lý thuyết chuyên môn và môn thi Thực hành;

+ Thi Lý thuyết chuyên môn được tổ chức theo hình thức thi viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm; thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh, được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến;

+ Thi Thực hành được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm, dịch vụ hoặc một phần sản phẩm, dịch vụ. Thời gian thi thực hành cụ thể do hiệu trưởng quy định đảm bảo phù hợp với đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

4.6. Các chú ý khác

4.6.1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun

 a) Người học được dự thi kết thúc môn học, mô-đun phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

 b) Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

 c) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

4.6.2. Số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun

 a) Sau khi học xong môn học, mô-đun, người học đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được dự thi kết thúc môn học, mô-đun. Nếu người học chưa dự thi kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất vì lý do chính đáng thì được bố trí tham dự ở lần thi tiếp theo. Người có điểm thi lần thứ nhất thuộc loại chưa đạt được thi lại; số lần thi lại do hiệu trưởng quy định;

 b) Người học có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần ở lần thi tiếp theo để cải thiện điểm số nhưng không được bảo lưu điểm thi trước đó. Điểm thi lần sau không được tính để xét học bổng;

 c) Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần thi và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó và phải tham gia kỳ thi lại, số lần thi lại do hiệu trưởng quy định.

4.6.3. Học và thi lại

 a) Người học phải học lại và thi lại môn học, mô-đun nếu thuộc một trong các trường hợp:

 - Không đủ điều kiện dự thi;

 - Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun theo quy định nhưng điểm thi chưa thuộc loại đạt;

 - Người học theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ đăng ký học lại, thi lại để cải thiện điểm.

 b) Người học phải học lại và thi lại không được bảo lưu điểm và thời gian học tập môn học, mô-đun của lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi theo quy định.

 c) Trường hợp không còn môn học, mô-đun do chương trình đào tạo thay đổi thì hiệu trưởng quyết định chọn môn học, mô-đun khác phù hợp với mục tiêu của chương trình để thay thế./.

 **HIỆU TRƯỞNG**